TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Đức Hữu
Ông Nguyễn Văn Thực
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Minh Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2017/TLST- HNGĐ ngày 01/11/2017 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/01/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974
Tên gọi khác: Nguyễn Thị Kim T
Cư trú tại: Thôn 17, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1965
Cư trú tại: Thôn 17, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
Chị T có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và bị đơn là anh Nguyễn Đình K kết hôn với nhau tự nguyện năm 1991, có đăng ký tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng với gia đình anh K ở tại xã V, huyện S, tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 9/1993 vợ chồng chuyển về thôn 17, xã B, huyện Đ sinh sống từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, chị và anh K hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh K không chịu khó làm ăn, thường xuyên uống rượu say, sinh sự, chửi bới, đánh đập chị, không có trách nhiệm với gia đình, khiến cuộc sống

của gia đình chị luôn căng thẳng. Mặt khác anh K còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với nhiều người, mang tài sản của gia đình đi cho trai. Nhiều lần chị khuyên nhủ, động viên nhưng anh K không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên căng thẳng hơn. Từ tháng 02/2017 chị và anh K sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không hàn gắn được nữa, chị xin được ly hôn anh K.

Trong biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Đình K xác nhận việc kết hôn và chung sống đúng như chị T đã trình bày. Tuy hàng ngày anh có uống rượu nhưng không say, cũng có 3- 4 lần anh chửi bới, xúc phạm đến chị T nhưng do chị T chửi anh trước. Anh có đánh chị T hai lần nhưng không gây thương tích. Đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị T có quan hệ ngoại tình với nhiều người trong làng, anh không nhìn thấy mà chỉ nghe gia đình chị T nói lại. Từ đó chị T không quan tâm gì tới anh. Anh và chị T đã sống ly thân một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy vậy đến nay chị T đề nghị được ly hôn anh không đồng ý, vì anh vẫn còn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Chị T và anh K xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 25/4/1993 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 23/3/1996, hiện hai cháu đã trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định:

+ Hoạt động tố tụng dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết và xét xử đối với vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đình K kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 25/6/1991 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tuy khi đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi, vi phạm độ tuổi kết hôn được quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01, ngày 20/01/1988 của Hội đồng thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao, tuy vợ chồng chị T vi phạm về độ tuổi kết hôn nhưng sau đó vợ chồng đã chung sống bình thường, đã có con và tài sản chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn (chung sống hòa thuận từ năm 1991 đến năm 2012 mới phát sinh mâu thuẫn) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc hủy hôn nhân trái pháp luật mà giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh K theo quy định.

Xét thấy trong thời gian chung sống từ năm 2012 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K thường xuyên uống rượu say về sinh sự, chửi bới, đánh đập chị T, không có trách nhiệm với gia đình. Mặt khác anh K còn nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình, nhiều lần chị T khuyên nhủ, động viên nhưng anh K không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên căng thẳng hơn. Từ tháng 02/2017 chị T và anh K sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh K cư trú thấy về tình trạng hôn nhân đúng như chị T đã trình bày. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2]. Về con chung: Hiện con chung của chị T và anh K đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Do hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Bị đơn là anh Nguyễn Đình K đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thị Kim T) và anh Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2016/000 4326 ngày 01/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Vũ Thường